

## PHẬT GIÁO ĐỘC TÔN TRONG HAI TRIỀU ĐẠI NHÀ ĐÌNH (968 - 980) VÀ NHÀ TIỀN LÊ (980 - 1009)

THÍCH ĐỨC NGHIỆP<sup>(\*)</sup>

**T**heo dữ kiện lịch sử Phật giáo Việt Nam, nếu muốn nói đúng và đủ về những thời kì Phật giáo phồn thịnh và độc tôn, thì chúng ta phải kể từ giữa thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIV sau Công Nguyên, nghĩa là, từ thời nhà Đinh, nhà Tiền Lê đến nhà Lý và nhà Trần, xuyên suốt khoảng 500 năm sau khi nước Việt Nam ta thoát khỏi ách cai trị của người Tàu trong hơn một nghìn năm, từ đời Hán Vũ Đế (111 trước Công nguyên) đến đời Nam Hán của người Tàu (938 sau Công nguyên). Thế nhưng, ở đây, trong buổi Hội Thảo Khoa Học này, chúng tôi, bước đầu, chỉ đề cập tới sự phồn thịnh và độc tôn của Phật giáo Việt Nam ở giai đoạn lịch sử thuộc nhà Đinh (968-980) và nhà Tiền Lê (980-1009) mà thôi.

Vậy sự phồn thịnh và độc tôn của Phật giáo Việt Nam đã diễn tiến cụ thể ra sao trong hai triều đại: vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành?

Thực sự muốn trả lời câu hỏi trên, chúng ta nên giải đáp rõ ràng về ba (3) vấn đề liên hệ như :

I. Giáo lí nhà Phật truyền vào Việt Nam, cơ bản là gì ?

II. Các vị Pháp Sư Phật giáo kiệt xuất cả về đức trọng và tài cao giúp vua, giúp nước, gồm có những ai?

III. Hai nhà vua: Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành đối xử với Phật giáo nói chung, và trọng dụng các nhà sư lỗi lạc trong thời gian ấy nói riêng, như thế nào?

Nói ngắn gọn thì mục đích của Phật giáo truyền bá ở đâu và vào thời gian nào, không ngoài “Hoàng Dương Phật Pháp, Lợi Lạc Quần Sinh”. Nghĩa là, các sư giả Như Lai mang chính pháp của Đức Phật truyền bá, phổ biến khắp nơi trên thế giới và làm lợi ích cũng như mang lại an vui, hạnh phúc cho mọi người. Riêng tại Việt Nam ta, về mặt thực tiễn, các nhà sư cao tăng có bốn phận Hộ Quốc An Dân, giúp vua, giúp nước, mang lại an vui cho nhân dân; về mặt tâm linh, các vị ấy cầu nguyện Âm Siêu, Dương Thái, người chết thì được siêu thoát thăng hoa, người sống thì được khỏe mạnh hạnh phúc, nhằm báo đền Bốn ơn sâu, nghĩa nặng, là nghĩa vụ của người Phật Tử theo lời Phật dạy trong Kinh Bản Sinh. Đó là:

- 1- Ôn đất nước, Tổ Quốc;
- 2- Ôn cha mẹ;

\*. Thượng tọa, Thành viên Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh TW, Giáo Hội Phật giáo Việt Nam.

3- Ôn thầy bạn, những người giúp đỡ;

4- Ôn Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng).

Nói rộng ra thì:

I - Giáo lí cơ bản của Phật giáo là Giới, Định, Tuệ nhằm đề cao và phát triển Đức Dục, Tâm Thể Dục và Trí Dục của mỗi người. Pháp môn tu dưỡng của Phật giáo Việt Nam là kết hợp hài hòa giữa Thiên Tông, Tịnh Độ Tông và Mật Tông của Bắc Truyền Phật giáo hay Đại Thừa Phật giáo. Còn phương Pháp thực hành nhằm tự lợi và lợi tha cũng như cứu khổ, độ sinh, thì mỗi Phật Tử cần phải thực hiện tinh thần Từ Bi, Trí Tuệ và Dũng Mạnh, để đạt tới đỉnh cao của mục đích Phật giáo là Giác Ngộ, Giải Thoát và Bình Đẳng. Nói cách khác, mục tiêu cứu cánh của Phật giáo là Hạnh Phúc, Tự Do và Công Bằng Xã Hội.

II - Các Vị Cao Tăng kiệt xuất bấy giờ, trong hai triều đại nhà Đinh và nhà Tiền Lê, gồm các Thiên Sư : Ngô Chân Lưu, Đỗ Pháp Thuận, Trương Ma Ni, Đặng Huyền Quang, Vạn Hạnh và Sùng Phạm... Bởi lẽ đỉnh cao văn hóa Việt Nam trong hai thời đó đều nằm trong tay của các nhà sư cả và, đặc biệt, các nhà sư này lại có công giúp vua, giúp nước, giúp dân.

III - Bởi vậy, sau khi cử hành Lễ đăng quang lên ngôi Hoàng Đế, vua Đinh Tiên Hoàng đã triệu tập văn võ bá quan và các nhà sư có công trạng lớn ấy vào cung vua để ban tặng các chức phẩm cao quý như:

Chức Tăng Thống và Thái Sư Khuông Việt cho Thiên Sư Ngô Chân Lưu ; chức Tăng Lục cho Thiên Sư Trương Ma Ni ; chức Sùng Chân Uy Nghi cho Thiên Sư

Đặng Huyền Quang...

Còn Vua Lê Đại Hành thì lại càng trọng dụng Thiên Sư Ngô Chân Lưu, Thiên Sư Đỗ Pháp Thuận, Thiên Sư Vạn Hạnh và Thiên Sư Sùng Phạm... và nhà vua thường mời Quý Ngài Thiên Sư ấy vào trong cung vua để giúp vua, giúp nước về mặt ngoại giao, chính trị, quân sự và tôn giáo. Tất cả những việc này đều đã được ghi rõ trong chính sử nước nhà và trong lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Cụ thể mà nói thì các nhà sư kiệt xuất về đức và tài nói trên đã tích cực giúp vua, giúp nước trong những trường hợp cụ thể và quan trọng như sau :

Trường hợp của Thiên Sư Ngô Chân Lưu (933-1011), tức ngài Khuông Việt Thái Sư, như là một vị Tể Tướng có công giúp nước Việt. Năm 40 tuổi, ngài được vua Đinh Tiên Hoàng mời vào trong triều đình để trao đổi những sáng kiến về việc đời việc đạo để giúp vua an định đất nước, thì ngài đối đáp rất hợp lí và thuyết phục, cho nên nhà vua rất mến phục và ban cho ngài chức Tăng Thống, đứng đầu Giáo Hội Phật giáo nước Đại Cồ Việt. Năm sau, niên hiệu Thái Bình thứ hai, 971, nhà vua lại phong cho ngài chức Khuông Việt Thái Sư, nghĩa là, chức Tể Tướng có công giúp nước Việt và, do đó, ngài phải có trách nhiệm điều hành, xử lí các việc trong triều đình.

Đến triều đại nhà Tiền Lê, vua Lê Đại Hành lại càng kính trọng ngài, vì nhà vua thường mời ngài vào cung khuyết để thăm hỏi những việc quân sự, chính trị và ngoại giao của đất nước.

Thí dụ như nhà Tiền Lê của nước ta

năm 986, niên hiệu Thiên Phúc thứ bảy, nhà Tống sai sứ Tàu là Lý Giác sang nước ta. Do vậy, vua Lê Đại Hành liền cử ngài Khuông Việt Thái Sư, tức Thiên Sư Ngô Chân Lưu, ra đón tiếp và ứng đối. Khi Lý Giác về Tàu, có làm một bài thơ Đường Luật bằng chữ Hán để lại tặng rằng:

幸遇明時贊盛猷  
一身兩土使交州  
東都再別心尤戀  
南越千重望未休  
馬踏煙雲穿浪石  
車辭青幃泛長流  
天外有天應遠照  
溪潭波淨見蟾秋

*Phiên Âm*

Hạnh ngộ minh thời tán thịnh du  
Nhất thân lưỡng độ sứ Giao Châu  
Đông đô tái biệt tâm vưu luyến  
Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu  
Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch  
Xa từ thanh chướng phiếm trường lưu  
Thiên ngoại hữu thiên ứng viễn chiếu  
Khê đàm ba tịnh kiến thiềm thu.

*Dịch Nghĩa:*

May gặp minh quân giúp việc làm  
Một mình hai lượt sứ miền Nam  
Mấy phen qua lại lòng thêm nhớ  
Muôn dặm non sông mắt chữa nhàm  
Ngựa đạp mây bay qua suối đá  
Xe vòng núi chạy tới dòng lam  
Ngoài trời lại có trời soi rạng  
Vùng nguyệt trong in ngọn sóng đầm.

(HT. Mật Thế)

Sau đó, vua Lê Đại Hành mang bài thơ ấy cho nhà sư Ngô Chân Lưu xem và nhà vua hỏi có ý gì không?

Nhà sư tâu:

Câu thứ bảy của bài thơ này, sứ Tống có ý tôn trọng Bộ Hạ ngang hàng với vua của họ.

Vì vậy, vua Lê Đại Hành lại nhờ nhà sư làm một bài để tiễn sứ Tống. Nhà sư vâng lệnh làm một bài từ bằng chữ Hán, theo điệu “Tống Vương Lang Quy” như sau:

祥光風好錦帆張  
神仙復帝鄉  
千里萬里涉滄浪  
九天歸路長  
人情慘切對離觴  
攀戀使星郎  
願將深意為南疆  
分明奏我皇

*Phiên âm:*

Tường quang phong hảo cảm phàm  
trương

Thần tiên phục đế hương  
Thiên lý vạn lý thiệp thương lương  
Cửu thiên quy lộ trường  
Nhân tình thảm thiết đối ly trường  
Phan luyến sứ tinh lang  
Nguyện tương thâm ý vị Nam cương  
Phân minh tấu ngã hoàng.

*Dịch nghĩa:*

Gió hòa phấp phới chiếc buồm hoa  
Thần tiên trở lại nhà  
Đường muôn ngàn dặm trải phong ba

Cửa trời nhắm đường xa  
 Một chén quan hà dạ thiết tha  
 Thương nhớ biết bao là...  
 Nỗi niềm xin nhớ cội Nam Hà  
 Bày tỏ với vua ta.

(HT. Mật Thể)

Trường hợp của Thiên Sư Đỗ Pháp Thuận (914 - 990).

Khi đến nhà Tiên Lê, vua Lê Đại Hành thường mời Thiên Sư Đỗ Pháp Thuận vào cung vua để bàn luận các việc chính trị và ngoại giao. Khi đất nước đã hòa bình, nhân dân an cư lạc nghiệp, thì Thiên Sư không nhận sự phong chức và ban thưởng của nhà vua. Bởi vậy, vua Lê Đại Hành rất kính trọng Thiên Sư và nhờ Thiên Sư đặc trách trông coi việc soạn thảo các văn kiện, thư từ ngoại giao và việc đối ngoại.

Năm Thiên Phúc thứ bảy (986), nhà Tống sai sứ thần Lý Giác sang nước ta để phong chức cho nhà vua Tiên Lê. Vì thế, vua Lê Đại Hành phải nhờ Thiên Sư Đỗ Pháp Thuận cải trang làm người lái dò để đón tiếp sứ Tàu. Trên sông, đột xuất, Lý Giác trông thấy hai con ngỗng đang bơi lội, ông cảm hứng và ứng khẩu ngâm câu:

鵝鵝兩鵝鵝  
 仰面向天涯

Nga nga lưỡng nga nga

Ngưỡng diện hướng thiên nhai.

Thiên sư Đỗ Pháp Thuận đương chèo, liền ứng khẩu ngâm tiếp hai câu, thành một bài thơ Tứ Tuyệt (bốn câu) hoàn chỉnh:

白毛鋪綠水  
 紅掉擺青波

Bạch mao phô lục thủy

Hồng trạo bãi thanh ba

*Dịch nghĩa:*

Song song ngỗng một đôi

Ngửa mặt ngó ven trời

Lông trắng phơi dòng biếc

Sóng xanh chân hồng bơi.

(HT. Mật Thể)

Tiếp theo, sứ thần Lý Giác rất cảm phục.

Sau đó, vua Lê Đại Hành có hỏi Thiên Sư Đỗ Pháp Thuận về vận nước thịnh suy thế nào. Thiên Sư Đáp:

國祚如藤絡  
 南天裏太平  
 無為居殿閣  
 處處息刀兵

Phiên Âm:

Quốc tộ như đằng lạc

Nam Thiên Lý thái bình

Vô vi cư điện các

Xứ xứ tức đao binh

*Dịch Nghĩa:*

Vận nước như dây cuốn

Trời Nam sống thái bình

Trên điện không sinh sự

Đâu đó dứt đao binh

(HT. Mật Thể)

Ngoài ra, còn có hai vị cao Tăng, đó là Thiên Sư Vạn Hạnh vào đầu thế kỷ thứ 10 và 11 (? - 1018); và Thiên Sư Sùng

Phạm (1004- 1087) trong triều đại Tiền Lê, cũng được vua Lê Đại Hành trọng dụng như:

“Niên hiệu Thiên Phúc năm thứ nhất (980), nước Tàu sai Hầu Nhân Bảo đem quân sang đánh nước ta. Khi quân giặc đã đóng ở núi Cương Giáp Lãng, vua Lê Đại Hành liền cho mời Thiên Sư Vạn Hạnh (Quốc Sư Vạn Hạnh đời Lý) đến hỏi: Quân ta thắng bại thế nào ?

Ngài Vạn Hạnh tâu:

“Chỉ trong ba, bảy ngày thì giặc ắt lui”. Sau quả nhiên đúng như vậy. Vì thế, vua Lê Đại Hành rất tôn kính và thần phục ngài”.

Còn Thiên Sư Sùng Phạm thì đạo cao đức trọng, cho nên vua Lê Đại Hành nhiều lần triệu thỉnh ngài vào cung vua để tham vấn Đạo Phật.

Nhằm đáp lại những công đức to lớn của các vị Cao Tăng, các vị vua trong triều đại nhà Đinh và nhà Tiền Lê không chỉ trọng dụng các vị Thiên Sư mà còn tích cực hỗ trợ cho Phật giáo Việt Nam

phát triển mạnh. Nói chung, các vua trọng dụng, triều đình ủng hộ và nhân dân tin theo. Nói riêng thì:

Các nhà vua đời Đinh và đời Tiền Lê không những phong chức và ban thưởng cho các vị Thiên Sư thời ấy, mà còn cho sửa chữa và xây dựng mới các ngôi chùa ở trong khắp nước, thực hiện cụ thể việc làm chùa, tô tượng, đúc chuông khắp nơi trên toàn lãnh thổ Việt Nam, mà còn đề cử các sứ thần sang Trung Quốc để thỉnh Ba Tạng Kinh Điển về phổ biến sâu rộng giáo lí của Đức Phật trong toàn dân, thí dụ: năm 1008, niên hiệu Ứng Thiên 14, vua Lê Đại Hành đã sai ông Minh Xưởng và ông Hoàng Thành Nhã đi sứ sang Tàu, lần đầu tiên, để xin vua nhà Tống cho thỉnh bộ Cửu Kinh và bộ Đại Tạng Kinh của Phật giáo mang về Việt Nam.

Tóm lại, trước sau như một, Phật giáo Việt Nam luôn luôn đồng hành cùng dân tộc, mang lại độc lập, tự do, hạnh phúc và công bằng xã hội cho toàn dân, đặc biệt hiện nay Việt Nam ta đang trên đường hội nhập và phát triển cùng thế giới. /.